

Bản án số: 124/2024/DS - ST  
Ngày: 17 - 6 - 2024  
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tho.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Trần Thị Đồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2024/LST-DS ngày 20/5/2024 về việc tranh chấp “hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2024/QĐXXST-DS ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:**

- Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1974 (có mặt).
- Ông Hồ Văn L, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);  
Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:*

Bà H có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà T và ông L làm chủ hụi. Cuối tháng 01/2024, vợ chồng bà T và ông L tuyên bố bẽ hụi và chốt số tiền hụi còn nợ bà H là 260.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà T và ông L phải liên đới trả cho bà số tiền 260.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà T và ông L phải liên đới trả cho bà số tiền 193.150.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Thùy*

*T trình bày:*

Bà T thừa nhận có làm chủ hội từ năm 2014, tổ chức nhiều dây hội cho các hội viên tham gia. Bà H có tham gia một số dây hội của bà. Đầu năm 2024, bà T tuyên bố bế hội do không còn khả năng choàng hội và giao hội cho các hội viên. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà và ông L phải liên đới trả số tiền 193.150.000 đồng, bà chỉ đồng ý một mình bà trả tiền cho bà H do việc tổ chức chơi hội là việc của cá nhân của bà, không liên quan đến ông L. Trong thời kỳ hôn nhân với ông L, ông L biết việc bà tổ chức chơi hội, thi thoảng có chở bà đi gom hội, giao tiền cho hội viên nhưng ông L không biết số tiền là bao nhiêu, những dây hội nào. Ông L làm tất cả theo sự hướng dẫn của bà. Mặt khác, bà và ông L đã ly hôn. Do đó, ông L không có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ hội của bà.

*Bị đơn ông Hồ Văn L có lời trình bày tại bản tự khai:*

Ông và bà T ly thân đã lâu, nay đã ly hôn. Ông không còn liên quan đến bà T. Việc tổ chức chơi hội với bà T ông không biết. Đồng thời, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp: Bà H khởi kiện yêu cầu bà T, ông L có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện Đ phải liên đới trả tiền hội. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa và quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Về xét xử vắng mặt: Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung:

Bà T và bà H đều thống nhất về việc bà H có tham gia chơi hội do bà T làm chủ hội và bà T còn nợ bà H số tiền hội là 193.150.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 91 BLTTDS “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà T phải trả số tiền hội 193.150.000 đồng là có cơ sở, được HĐXX chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới: Bà T và ông L đều cho rằng tiền hội nợ bà H là nợ riêng của bà T, không liên quan đến ông L và hiện ông bà đã ly hôn nên ông L không đồng ý liên đới cùng bà T trả cho bà H số tiền này. Tại phiên tòa, bà T trình bày bà làm chủ hội từ năm 2014 đến khi tuyên bố vỡ hội. Ông L thi thoảng có đi gom hội của các hội viên về giao cho bà; giao tiền hót hội cho hội viên nhưng mọi việc đều theo sự hướng dẫn của bà. Ông L hoàn toàn không biết các

dây hụi bà tổ chức. Xét thấy, ông L và bà T là vợ chồng hợp pháp đến ngày 19/4/2024 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 258/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2024 của Tòa án. Bà T tuyên bố bẻ hụi từ đầu năm 2024, trong thời kỳ hôn nhân của bà với ông L và việc bà T tổ chức chơi hụi nhằm mục đích phát triển kinh tế và nhu cầu thiết của gia đình. Do đó, ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T thanh toán tiền hụi cho bà T1 theo quy định tại Điều 37, 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông L, bà T phải liên đới trả cho bà Hiệu số tiền hụi 193.150.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà T, ông L phải chịu án phí 9.657.500 đồng trên số tiền 193.150.000 đồng phải trả cho bà H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 288, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 37, 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Phạm Thị Thùy T và ông Hồ Văn L.

Buộc bà Phạm Thị Thùy T, ông Hồ Văn L phải liên đới trả cho bà Phạm Thị Ngọc H số tiền 193.150.000 đồng (một trăm chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thùy T, ông Hồ Văn L phải liên đới chịu án phí 9.657.500 đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc H số tiền 6.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án 0000438 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Tho**